

Bản án số: 137/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-12-2024

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Xứng

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Thuộc trường hợp không tham gia.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 121/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Huyền T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Ông **CAI, CHONG-YI**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số B, lộ T, xóm B, phường T, khu P, thành phố C, Đài Loan

(Bà T, ông C - Yi có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Huỳnh Thị Huyền T trình bày: Năm 2018, bà sang Đài Loan du lịch và quen biết ông C1, CHONG YI, quá trình tìm hiểu nảy sinh tình cảm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang vào ngày 02/8/2018.

Sau khi kết hôn khoảng 04 tháng thì bà đến Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Đ tại TP . để phỏng vấn nhưng không đậu. Một tháng sau bà tiếp tục đến phỏng vấn nhưng vẫn không đậu nên ông Y xin visa N để bà sang Đài Loan du lịch thăm chồng. Mỗi tháng bà sang Đài Loan 01 lần thăm ông Y, đi về về được khoảng 07 lần thì đến đầu năm 2020 thời điểm dịch Covid bùng phát ông bà chỉ liên lạc qua điện thoại. Sau khi dịch Covid kết thúc, bà có liên lạc kêu ông Y về Việt Nam tham gia phỏng vấn để bảo lãnh bà sang đoàn tụ nhưng ông Y từ chối vì bận công việc, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Ông bà đã sống ly thân và không còn liên lạc từ năm 2020 đến nay.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông C1, CHONG-YI , không thể duy trì cuộc sống hôn nhân với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông C1, CHONG-YI. Về con chung; tài sản chung; nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông C1, CHONG-YI trình bày tại Văn bản đồng ý ly hôn ngày 16/8/2024 (đã hợp pháp hóa lãnh sự): Về quan hệ hôn nhân đúng như bà Huỳnh Thị Huyền T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do mỗi người cư trú một nơi, khác biệt về văn hóa nên ông bà không tìm được tiếng nói chung, quan điểm sống khác nhau nên ông không về Việt Nam phỏng vấn. Giữa ông và bà Huỳnh Thị Huyền T không còn tình cảm vợ chồng và không còn liên lạc với nhau. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Huyền T, bị đơn ông C1, CHONG-YI có đơn xin vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Huyền T và ông C1, CHONG-YI là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Kiên Giang số 21/2018 ngày 02/8/2018.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Huyền T và ông C1, CHONG-YI là do khoảng cách địa lý, khác biệt về quan điểm sống, tình tình không phù hợp, bất đồng ngôn ngữ và việc phỏng vấn không thành. Hiện tại bà T cư trú tại Việt nam, ông C1, CHONG-YI sống tại Đài Loan. Ông bà đã không còn quan tâm, liên lạc với nhau từ cuối năm 2020 đến nay và ông bà xác định không

còn tình cảm vợ chồng với nhau, ông C1, CHONG-YI đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Huyền T và ông C1, CHONG-YI đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Huyền T đối với ông C1, CHONG-YI. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: bà Huỳnh Thị Huyền T và ông C1, CHONG-YI xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Huỳnh Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Huyền T về việc xin ly hôn với bị đơn ông C1, CHONG-YI.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Huyền T được ly hôn với ông C1, CHONG-YI.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Huyền T và ông C1, CHONG-YI xác định không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Án phí: Bà Huỳnh Thị Huyền T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0006493 ngày 11/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Huyền T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết.

Riêng ông C1, CHONG-YI có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương